

Số: 681/2020/QĐST-HNGĐ

Gò Vấp, ngày 30 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ các Điều 212, 213, và khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 55, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 614/2020/TLST-HNGĐ, ngày 29 tháng 5 năm 2020 về yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị Nguyễn Huỳnh Phương T, sinh năm 1989; địa chỉ: Số X đường Y, Phường Z, quận G, Tp. H.

- Anh Lưu Kim Trung T, sinh năm 1985; địa chỉ: Số X đường Y, Phường Z, quận G, Tp. H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Hôn nhân giữa chị Nguyễn Huỳnh Phương T và anh Lưu Kim Trung T là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 171, quyển số 01/2010 ngày 28/12/2010 của Ủy ban nhân dân Phường Z, quận G, Thành phố H.

[2] Theo đơn yêu cầu ghi ngày 20/5/2020 và Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 22/6/2020, chị Nguyễn Huỳnh Phương T và anh Lưu Kim Trung T yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, về con chung chị Nguyễn Huỳnh Phương T là người trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung tên là Lưu Nguyễn Bảo H sinh ngày 24/7/2011 và Lưu Nguyễn Bảo N sinh ngày 24/10/2016. Anh Lưu Kim Trung T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 6.000.000 đồng (mỗi trẻ 3.000.000

đồng/tháng). Thi hành tại Chi cục thi hành án có thẩm quyền từ tháng 7/2020 cho đến khi con chung lần lượt đủ 18 tuổi. Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc chia tài sản chung.

[3] Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy, chị Nguyễn Huỳnh Phương T và anh Lưu Kim Trung T thật sự tự nguyện ly hôn, đã thỏa thuận về việc không chia tài sản chung.

Đã hết thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận chị Nguyễn Huỳnh Phương T và anh Lưu Kim Trung T thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 171, quyển số 01/2010 ngày 28/12/2010 của Ủy ban nhân dân Phường Z, quận G, Thành phố H hết hiệu lực.

- Về con chung: Chị Nguyễn Huỳnh Phương T là người trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung Lưu Nguyễn Bảo H sinh ngày 24/7/2011 và Lưu Nguyễn Bảo N sinh ngày 24/10/2016.

Anh Lưu Kim Trung T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 6.000.000 đồng (mỗi trẻ 3.000.000 đồng/tháng).

Thi hành tại Chi cục thi hành án có thẩm quyền từ tháng 7/2020 cho đến khi con chung lần lượt đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Anh Lưu Kim Trung T có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở, tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ, người thân thích; cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi cần thiết đương sự có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Nguyễn Huỳnh Phương T và anh Lưu Kim Trung T phải chịu lệ phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được miễn trừ vào số tiền tạm nộp lệ phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai số: AA/2019/0026227 ngày 29/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp; đương sự đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Q.Gò Vấp;
- UBND Phường Z, quận G;
- Chi cục THADS Q. Gò Vấp
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Đỗ Nguyễn Hà Hải